

GIÁ TRỊ NGŨ NGHĨA - NGŨ DỤNG CỦA DANH NGŨ CHỈ THỜI GIAN TRONG VĂN BẢN NGHỆ THUẬT

Nhận bài:

26 – 08 – 2017

Chấp nhận đăng:

25 – 12 – 2017

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Sao Mai

Tóm tắt: Trong các văn bản nghệ thuật, con người tồn tại trong một khoảng không gian và thời gian đặc biệt - *không gian và thời gian mang tính nghệ thuật*. Đó không chỉ là không gian và thời gian thuộc phạm trù vật chất mà đó là một phương thức biểu hiện thế giới tinh thần, hiện thực cuộc sống thông qua tác phẩm. Bài viết tiếp cận thời gian trong văn bản nghệ thuật dưới góc độ ngôn ngữ học. Chúng tôi tiến hành khảo sát những vai nghĩa của danh ngữ chỉ thời gian và chức năng của danh ngữ chỉ thời gian trong cấu trúc câu của văn bản nghệ thuật. Từ đó, đưa ra những nhận xét về giá trị ngữ nghĩa, ngữ dụng của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản nghệ thuật.

Từ khóa: danh từ; danh ngữ; danh ngữ chỉ thời gian; văn bản nghệ thuật; từ loại.

1. Đặt vấn đề

Danh ngữ (DN) chỉ thời gian là những cấu trúc ngữ đoạn có danh từ chỉ thời gian làm thành phần trung tâm. Nhờ có cấu trúc DN chỉ thời gian mà với một số lượng danh từ chỉ thời gian hữu hạn, chúng ta có thể có vô vàn các cách biểu thị thời gian nhằm định vị thời gian và biểu thị tinh tế những cảm xúc, tình cảm đi kèm khác nhau trong văn bản nghệ thuật. Nghiên cứu phạm trù thời gian dưới góc độ ngôn ngữ học không những cho thấy các cấu trúc DN dùng để biểu thị thời gian mà còn cho thấy giá trị ngữ nghĩa, ngữ dụng của DN chỉ thời gian trong văn bản nghệ thuật nói chung.

2. Nội dung

“Phong cách nghệ thuật là phong cách chức năng được dùng để sáng tạo hình tượng nghệ thuật và tác phẩm nghệ thuật nhằm phục vụ cho nhu cầu về đời sống tinh thần của con người.” [3; tr.284]. Dựa trên khái niệm về phong cách nghệ thuật trên, chúng tôi đã chọn 18 văn bản nghệ thuật (VBNT) làm tài liệu khảo sát (xem danh mục VBNT làm tài liệu khảo sát trong phần tài liệu tham khảo). Chúng tôi đã tiến hành khảo sát

3894 câu có chứa DN chỉ thời gian được trích dẫn trong các VBNT làm tài liệu khảo sát và thống kê được 70 danh từ chỉ thời gian làm trung tâm để tạo nên 5448 DN chỉ thời gian. 70 danh từ chỉ thời gian đó là: *ngày, khi, lúc, giờ, năm, hôm, đêm, lần, tháng, mùa, buổi, chiều, hồi, sáng, phút, thời, tối, thuở, lát, thời gian, bữa, trưa, tuần, giây phút, dạo, chút, năm tháng, giây, tiếng, đời, sớm, thời buổi, ngày tháng, ban, xuân, giờ phút, thời điểm, khoảnh khắc, thời kỳ, dịp, tết, ngày đêm, thế kỉ, thu, tí, xưa, giờ khắc, kì, phút giây, kiếp, mừng, thú, mỏng, thời khắc, giây lát, khuya, tháng năm, khoảng, thời đại, tháng ngày, bận, bình minh, chốc, khắc, mai, sớm mai, hè, đông, hoàng hôn, rằm.*

Ngoài ra, phần trung tâm của DN chỉ thời gian còn xuất hiện các đại từ chỉ thời gian xác định *bây giờ, bấy giờ* và đại từ chỉ thời gian không xác định *bao giờ*. Tuy nhiên các đại từ này thường tự mình làm thành một danh ngữ chỉ thời gian.

Trên cơ sở các DN chỉ thời gian thống kê được trong văn bản nghệ thuật trên, chúng tôi tiến hành phân tích tìm hiểu giá trị ngữ nghĩa - ngữ dụng.

2.1. Giá trị ngữ nghĩa của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản nghệ thuật

2.1.1. Thống kê, phân loại những vai nghĩa của danh ngữ chỉ thời gian trong cấu trúc câu của văn bản nghệ thuật

* Liên hệ tác giả

Lê Sao Mai

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: lsmai@ued.udn.vn

Nhiệm vụ của danh ngữ chỉ thời gian trong cấu trúc câu là nêu *thời điểm* hoặc *thời đoạn* của hành động, quá trình, trạng thái do vị từ hành động, quá trình hay trạng thái đó biểu thị. Tuy nhiên, việc phân biệt ý nghĩa thời gian trong thực tế sử dụng phức tạp và đa dạng hơn nhiều. Đặc biệt, trong văn bản nghệ thuật và trong giao tiếp, để xác định được chính xác ý nghĩa thời gian còn phụ thuộc và ngữ cảnh, đối tượng...

Vai thời gian chỉ thời điểm hay thời đoạn chỉ mang ý nghĩa lí thuyết chung nhất, trong thực tế sử dụng để giao tiếp và hành văn, ý nghĩa thời gian chỉ thời điểm hay thời đoạn được phân biệt chi tiết thành 5 ý nghĩa thời gian như sau:

Vai thời gian chỉ thời điểm bao gồm:

- Thời điểm trùng với sự việc có thể coi như diễn ra trong một khoảng thời gian không đáng kể trên trục thời gian.

- Thời điểm bắt đầu của một sự thể diễn ra trong một khoảng thời gian đáng kể trên trục thời gian.

- Thời điểm kết thúc của một sự thể diễn ra trong một khoảng thời gian đáng kể trên trục thời gian.

Vai thời gian chỉ thời đoạn bao gồm:

- Phạm vi thời gian hay thời hạn trong đó diễn ra một sự việc hoặc một sự thể kéo dài.

- Khoảng cách thời gian từ khi một sự thể bắt đầu cho đến khi kết thúc.

Chúng tôi tiến hành thống kê, phân loại DN chỉ thời gian trong văn bản nghệ thuật có các ý nghĩa thời gian như bảng 1.

Theo bảng số liệu, ý nghĩa thời gian chỉ thời điểm có tần số xuất hiện (TSXH) nhiều nhất là 1697 lần, chiếm 31.14%; ý nghĩa thời gian chỉ thời điểm kết thúc có TSXH ít nhất là 804 lần, chiếm 14.75%. Tuy nhiên ở đây, trừ ý nghĩa thời gian chỉ thời điểm có TSXH nhiều vượt trội thì các ý nghĩa thời gian còn lại chỉ chiều dài của thời gian, chỉ thời hạn, chỉ thời điểm bắt đầu và chỉ thời điểm kết thúc có sự chênh lệch về TSXH không nhiều.

Có thể nói, trong văn bản nghệ thuật, TSXH của các ý nghĩa thời gian đều đa dạng và phong phú như nhau.

Bảng 1. Thống kê, phân loại ý nghĩa thời gian của DN

STT	Ý nghĩa thời gian	Ví dụ	TSXH	Tỉ lệ %
-----	-------------------	-------	------	---------

1	Thời điểm	Cơm chiều xong lúc bốn giờ.	1697	31.14
2	Chiều dài của thời gian	Chị Tính đi học gần hai năm lại quay về tuyến đường miền Tây.	1180	21.65
3	Thời hạn (phạm vi)	Trong khi ấy, vòng vây ngày càng thắt chặt thêm.	921	16.90
4	Thời điểm bắt đầu	Từ hôm ấy, bốn cái ghế mây được treo trên hai cái mỏ móc buộc ngoài đầu chái.	846	15.52
5	Thời điểm kết thúc	Từ cái buổi chợ ấy đến khi tôi mười tám tuổi, thế giới của tôi chỉ là những trang sách.	804	14.75

2.1.2. Nhận xét về giá trị ngữ nghĩa của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản nghệ thuật

Vai thời gian chỉ thời điểm thường xuất hiện khi thời gian được định vị là một thời điểm xác định hoặc thời điểm trong đó diễn ra một sự việc có thể coi như không có chiều dài hoặc có một chiều dài nhưng không được người nói quan tâm đến trên trục thời gian. Ví dụ: *Cơm chiều xong vào lúc bốn giờ* [8, tr.184], *Mùa xuân, ngày 83* [12, tr.130], *Khi mẹ vắng nhà, em luộc khoai* [14, tr.28], *Mồng hai anh lễ tết nhà em* [20, tr.235], *Sao Thu có thể ngủ vào tám giờ tối hôm nay* [21, tr.270], *Giá không có đợt báo động lúc bốn giờ sáng thì Lê còn ngủ* [24, tr.7],...

Trong văn bản nghệ thuật, vai thời gian chỉ thời điểm xuất hiện trong một số ít trường hợp khi DN chỉ thời gian làm định ngữ cho một DN khác thì lúc này, chức năng của nó là đề quy chiếu đối tượng (danh từ trung tâm) hơn là để xác định thời gian của sự kiện. Tuy nhiên trường hợp này xuất hiện ít trong văn bản nghệ thuật, ví dụ: *chuyến xe Hà Nội Hải Phòng 10 giờ đã về* [13, tr.131].

Vai thời gian chỉ thời điểm bắt đầu một sự thể có chiều dài trên trục thời gian được định vị hoặc bằng thời gian cụ thể: giờ, ngày, tháng, năm hoặc bằng một hành động hay sự kiện được đánh dấu bắt đầu. Vai thời gian này có thể do bổ ngữ chỉ thời gian, khung đề là một ngữ danh từ chỉ thời gian đảm nhận, thường được dẫn nhập bằng *từ, kể từ, bắt đầu từ*, khung đề còn được dẫn nhập bằng *đến*. Ví dụ: *Từ hôm ấy, bốn cái ghế mây được treo trên hai cái mỏ móc buộc ngoài đầu chái* [8, tr.142], *Lúc tỉnh rượu còn ngồi bên án* [10, tr.286], *Nhưng từ khi chú em chồng vào ở trong nhà em, không hiểu vì sao lại xảy ra nông nổi này* [21, tr.80], *Từ lúc Quắm Đen bị ông Cán Ngũ đánh ngã, Tý Trâu cũng bốn chôn không yên* [25, tr.70],...

Vai thời gian chỉ thời điểm kết thúc một sự thể có chiều dài trên trục thời gian cũng được định vị giống như ở vai thời gian chỉ thời điểm bắt đầu: hoặc bằng thời gian cụ thể hoặc bằng một hành động, sự kiện được đánh dấu kết thúc. Vai thời gian này thường do bổ ngữ chỉ thời gian, khung đề là một ngữ danh từ chỉ thời gian đảm nhiệm, được dẫn nhập bằng *đến, cho đến, tới, cho tới*. Ví dụ: *Từ cái buổi chợ ấy đến khi tôi mười tám tuổi, thế giới của tôi chỉ là những trang sách* [9, tr.46], *Cho đến tận khoảnh khắc cuối cùng ấy, Khiển vẫn không hiểu cái gì đang xảy ra với mình (...)* [16, tr.96], *Chẳng biết lúc tan cuộc bóng, thấy mắt cái giải thưởng quý hóa, bọn trẻ có cấu kình mà cãi nhau không* [19, tr.34],...

Vai thời gian chỉ phạm vi thời gian trong đó diễn ra một sự việc (có thể lặp lại nhiều lần), một số sự việc hoặc một sự thể kéo dài thường được dẫn nhập bằng giới từ: *trong, trong vòng, nội*. Vai thời gian này cũng thường được dùng khi định vị thời gian ở thời tương lai. Bổ ngữ, khung đề hoặc trạng ngữ chỉ thời gian thường đảm nhận vai thời gian này. Ví dụ: *Trong khi ấy, vòng vây ngày càng thắt chặt thêm* [12, tr.133], *Cánh màn khép lỏng cả ngày* [14, tr.89], *Rõng rã mấy mùa rồi, không nhớ mà không nghe được tin tức về Trũi* [12, tr.97], *Trong thời gian ấy, cả trung đoàn pháo đang trải qua rất nhiều biến đổi* [24, tr.19], *Tuy đã hơn mười năm không ra xói, tiếng tăm cụ vẫn lẫy lừng, các đò trong tỉnh đều kính nể, coi cụ như bậc thầy* [25, tr.69], ...

Vai thời gian chỉ khoảng cách thời gian từ khi một sự thể bắt đầu cho đến khi nó kết thúc (chiều dài hay trường độ trong thời gian) thường là những DN chỉ thời gian có danh từ được lượng hóa bằng số từ hay một lượng từ khác như: *nhiều, ít, mấy, mỗi*,... Vai thời gian này thường do bổ ngữ và khung đề chỉ thời gian đảm nhiệm, trong đó tần xuất của bổ ngữ chiếm ưu thế. Bổ

ngữ có thể là bổ ngữ trực tiếp hoặc bổ ngữ gián tiếp. Vai thời gian này thường được dẫn nhập bằng *hết, mất, trong, suốt*. Ví dụ: *Thường trong một ngày tôi chén đến ba bữa là ít* [12, tr.58], *Bà vẫn nuôi bộ đội, suốt hăm mấy năm trời* [12, tr.92], *Tôi ngủ ngót ba mươi năm dưới bóng Bạch Dương* [18, tr.147], *Chị Tĩnh đi học gần hai năm lại quay về tuyến đường miền Tây* [24, tr.32], *Sau ba năm sống với nhau, từ ngày hai người còn ngồi trên hai chiếc ghế sắc của một khẩu 37 cũ kĩ* [24, tr.22], ...

Trong văn bản nghệ thuật, nhà văn thường tách thời gian sự kiện ra khỏi phạm trù thời gian tự sự và khỏi thời gian phát ngôn. Nhờ đó, thời gian ở đây không phải trôi theo trình tự của tự nhiên mà được tái tạo lại, có sự đan xen đồng thời giữa thời gian hiện tại, thời gian hồi ức quá khứ và thời gian của tương lai. Thời gian trong văn bản nghệ thuật không chỉ đơn thuần là để chiếu vật mà đó còn là “mảnh đất màu mỡ” cho tác giả thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. Chính vì thế, thời gian được “chia cắt”, “mổ xẻ” rồi “lắp ráp” “tái tạo” lại theo một cách riêng để thể hiện được chiều sâu tâm trạng. Vậy nên trong mỗi văn bản nghệ thuật, tùy theo nội dung và dụng ý của tác giả mà thời gian hiện tại, thời gian hồi ức quá khứ, thời gian tương lai được thể hiện bằng các danh từ chỉ thời gian xuất hiện nhiều hoặc ít không giống nhau, tạo nên sự chênh lệch về TSXH cho các danh từ chỉ thời gian. Một số lượng nhiều danh từ chỉ thời gian được sử dụng trong văn bản nghệ thuật là những danh từ chỉ thời gian có cách dùng rất hạn chế và thường chỉ dùng khi mang tính biểu cảm cao nên TSXH ít và không thấy xuất hiện trong các loại văn bản khác như: *chốc, lát, bình minh, hoàng hôn, tí, khắc*,...

Trong văn bản nghệ thuật, vai thời gian diễn đạt phong phú tất cả những ý nghĩa thời gian có thể có được, trong đó, vai thời gian chỉ thời điểm trùng với một sự việc có thể coi như không có chiều dài đáng kể trên trục thời gian là vai thời gian có TSXH nhiều nhất. Giữa các ý nghĩa thời gian mà vai thời gian biểu hiện không có sự chênh lệch quá lớn trong TSXH. Có thể nói, sự phong phú trong việc diễn đạt các ý nghĩa thời gian của vai thời gian do DN chỉ thời gian đảm nhận trong cấu trúc câu đã tạo nên sự đa dạng trong việc xác lập các biểu thức chỉ xuất thời gian thời gian nói riêng và góp phần vào việc tạo nên thời gian nghệ thuật trong tác phẩm nghệ thuật nói chung.

2.2. Giá trị ngữ dụng của danh ngữ chỉ thời

gian trong văn bản nghệ thuật

2.2.1. Thống kê, phân loại chức năng của danh ngữ chỉ thời gian trong cấu trúc câu của văn bản nghệ thuật

Các chức năng của DN chỉ thời gian trong cấu trúc câu của văn bản nghệ thuật được thống kê, phân loại trong bảng số liệu sau:

Bảng 2. Bảng thống kê, phân loại chức năng của DN

STT	Chức năng của danh ngữ	Ví dụ	TSXH	Tỉ lệ %
1	Bổ ngữ chỉ thời gian	Tôi cho cậu thêm <i>hai giờ đồng hồ nữa</i> là quá rồi.	2592	47.57
2	Khung đề	<i>Buổi sớm ấy</i> các à Bướm rủ tôi vào rừng dự cuộc múa hát thi.	1622	29.77
3	Trạng ngữ chỉ thời gian	Còn nhớ, <i>có lần tan học buổi chiều</i> , anh ngáp nghé ở công trường đón chị.	1034	18.97
4	Chủ đề	<i>Hôm nay</i> là ngày giã đám rồi.	83	1.52
5	Thuyết	<i>Bấy giờ</i> là buổi chiều rồi.	69	1.26
6	Định ngữ cho một danh từ khác (để quy chiếu đối tượng)	Chuyến xe Hà Nội Hải Phòng <i>10 giờ</i> đã về.	48	0.88

Số liệu của bảng thống kê cho thấy DN chỉ thời gian trong văn bản nghệ thuật có chức năng làm bổ ngữ chỉ thời gian trong cấu trúc câu chiếm TSXH lớn nhất: 2592 lần, chiếm 47.57%. Chiếm TSXH nhiều thứ hai là chức năng làm khung đề và làm trạng ngữ chỉ thời gian, có TSXH lần lượt là 1622 lần, chiếm 29.77% và 1034 lần, chiếm 18.97%. Chiếm TSXH ít nhất là chức năng làm chủ đề, thuyết và định ngữ cho danh từ khác trong cấu trúc câu với TSXH lần lượt là 83 lần, chiếm 1.52%; 69 lần, chiếm 1.26% và 48 lần, chiếm 0.88%.

Sở dĩ có sự chênh lệch về TSXH khá lớn giữa chức năng làm bổ ngữ chỉ thời gian và khung đề với các chức năng khác trong câu là do đặc thù của văn bản nghệ thuật.

2.2.2. Nhận xét về giá trị ngữ dụng của danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản nghệ thuật

Như đã phân tích trong phần giá trị ngữ nghĩa của DN chỉ thời gian, bổ ngữ chỉ thời gian có thể biểu hiện đa dạng tất cả những ý nghĩa thời gian mà vai thời gian có được, lại không bị ràng buộc bởi tiêu chí sự xác định như ở khung đề và chủ đề và cũng không phải là thành phần phụ của câu như trạng ngữ nên thường xuất hiện nhiều. Ngoài ra, trong văn bản nghệ thuật, các sự kiện luôn diễn ra đầy ắp nên sự xuất hiện của bổ ngữ chỉ thời gian giúp ta định vị được thời gian một cách rõ ràng, chính xác tránh bị lạc vào mê cung thời gian của các sự kiện trong tác phẩm, nhờ vậy độc giả có thể theo dõi câu chuyện một cách rõ ràng.

Chính nhờ sự đa dạng trong khả năng đóng vai thời gian để chỉ những ý nghĩa thời gian khác nhau mà bổ ngữ chỉ thời gian luôn xuất hiện nhiều nhất trong văn bản nghệ thuật và có vị trí vô cùng quan trọng. Ví dụ: *Sài Gòn, nơi mà con người ít khi tồn tại được quá ba tháng (...)* [16, tr.205], *Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ* [17, tr.166], *Trời đã xế chiều* [17, tr.73], *Tôi cho cậu thêm hai giờ đồng hồ nữa là quá rồi* [21, tr.37], *Thầy anh mất năm trước, mẹ già anh mất năm sau* [25, tr.58],...

Danh ngữ chỉ thời gian làm khung đề trong cấu trúc câu làm thành cái khung về thời gian trong đó sự việc, hiện tượng trong phần thuyết có hiệu lực. Chức năng làm khung đề của danh ngữ chỉ thời gian có TSXH nhiều. Ví dụ: *Khi em bị các anh Châu Chấu Voi bắt rồi mang em đi thì em hiểu ngay các anh ấy là bạn tốt thế nào* [12, tr.122], *Thời ngày xưa thì người ta ví đàn bà với rắn độc, quỳ dữ và sư tử Hà Đông, còn thời bấy giờ, người ta ví đàn bà với các giống hoa: Hoa lan, hoa hồng, hoa huệ* [24, tr.85],...

Các đại từ *bây giờ, bao giờ, bấy giờ* cũng thường xuất hiện làm khung đề trong câu: *Nhưng bấy giờ hẳn chỉ có một mình* [8, tr.125], *Bấy giờ bố mẹ Tỉnh đang tút tút đong bán ở nhà quê* [13, tr.63], *Đến bây giờ tôi vẫn nghĩ rằng ngay trong lúc đứng ngoài cửa sổ, đồng chí vẫn bình thường như lúc này ngồi đây* [24, tr.81],...

Các từ chỉ thời gian khi kết hợp với một từ chỉ xuất cũng có thể làm thành khung đề: *Buổi sớm ấy các ả Bướm rủ tôi vào rừng dự cuộc múa hát thi* [12, tr.107], *Những hôm đầu là đầu loại* [12, tr.78], *Trong khi ấy, vòng vây ngày càng thắt chặt thêm* [12, tr.133],...

Trong văn bản nghệ thuật, nhiều trường hợp DN chỉ thời gian không chỉ làm khung đề cho những điều được nói sau đó trong một câu có hiệu lực mà còn có thể làm khung đề để tạo ra một hoàn cảnh về thời gian mà cả những câu có ý nghĩa liên quan về mặt thời gian tiếp sau đó cũng có hiệu lực. Ví dụ đoạn văn: *Mấy ngày sau, võ đài mới bắt đầu rầm rộ. Bởi vì những tay võ kém đã bị lọc hết. Bao nhiêu câu ti toe đều bại xuống chân đài cả rồi. Chỉ còn lại có hai tay cứng vào đấu vòng cuối là Bọ Muồm và Bọ Ngựa. Hai tráng sĩ trong vùng ấy* [12, tr.80],...

DN chỉ thời gian làm trạng ngữ trong cấu trúc câu để nói rõ thêm về thời điểm, thời hạn của sự việc hay trạng thái được diễn đạt bằng vị ngữ. Ví dụ: *Bấm đốt ngón tay đã được sáu năm trời rồi* [8, tr.63], *Tôi thăm gọi em trong những chiều ngoại ô xanh xao nằm bất động trên sofa đỏ đỏ nghiêng một góc thềm nhà như vệt máu loang dài* [9, tr.126], *Còn nhớ, có lần tan học buổi chiều, anh ngập nghề ở cổng trường đôn chí* [9, tr.217],...

Cũng giống như trong văn bản báo chí, chức năng làm chủ đề và thuyết trong cấu trúc câu của DN chỉ thời gian là hạn chế, thường xuất hiện trong cấu trúc danh là danh: *Hôm nay là ngày già đám rồi* [25, tr.70],... DN chỉ thời gian là thuyết phải được thuyết hóa bởi từ là: *Bấy giờ là buổi chiều rồi* [12, tr.136], *Đấy là ngày thường* [22, tr.28],... hoặc có chuyển tổ đi kèm: *Tất cả những ngày thơ nhỏ trở lại với chàng* [17, tr.53], *Nhập quan lúc bốn giờ chiều* [22, tr.28], ...

Ta còn gặp một số ít trường hợp DN chỉ thời gian làm định ngữ cho một danh từ khác: *Chuyến xe Hà Nội Hải Phòng 10 giờ đã về* [13, tr.131], *Nắng cuối xuân sáng hừng một vết chéo cánh sẻ vào giữa gian đại sảnh rộng rung rinh hình bát giác (...)* [21, tr.38],...

Trong văn bản nghệ thuật, DN chỉ thời gian có thể đảm nhận tất cả những chức năng mà một DN có được trong cấu trúc câu. Bên cạnh đó, mỗi chức năng mà DN chỉ thời gian đảm nhận còn có những nét riêng thể hiện đặc điểm của lớp DN chỉ thời gian trong cấu trúc câu nói riêng và trong văn bản tiếng Việt nói chung.

3. Kết luận

DN chỉ thời gian trong văn bản nghệ thuật xét trên phương diện giá trị ngữ nghĩa và ngữ dụng rất phong phú, đa dạng và được sử dụng linh hoạt. Chính vì điều này mà với một số lượng danh từ chỉ thời gian hữu hạn, trong văn bản nghệ thuật, thời gian vẫn được định vị và biểu hiện vô cùng tinh tế, thể hiện được nội tâm và cảm xúc của nhân vật cũng như đánh giá chủ quan của tác giả. Vì vậy, dù tiếp cận dưới góc độ ngôn ngữ học, nhưng nghiên cứu giá trị ngữ nghĩa - ngữ dụng của DN chỉ thời gian trong văn bản nghệ thuật cũng góp phần làm rõ về thời gian nghệ thuật. Đây là vấn đề rất lí thú cho những ai quan tâm nghiên cứu đến phạm trù thời gian nói chung và danh từ chỉ thời gian nói riêng trong văn bản nghệ thuật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Tài Cẩn (2004). *Ngữ pháp tiếng Việt (Tiếng - từ ghép - đoản ngữ)*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Tài Cẩn, (1975). *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Hữu Đạt (2000). *Phong cách học và các phong cách chức năng tiếng Việt*. NXB Văn hoá – Thông tin, HN.
- [4] Nguyễn Quốc Dũng (2003). Đặc điểm ngữ pháp ngữ nghĩa của các danh từ chỉ thời gian trong tiếng Việt. *Thông báo khoa học Trường ĐHSP Huế*, 1, 5.
- [5] Nguyễn Văn Hán (2008). Một số nhận xét về danh từ, danh ngữ chỉ thời gian trong Tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh*, 15(49), 37.
- [6] Lê Sao Mai (2011). *Danh ngữ chỉ thời gian trong văn bản tiếng Việt (qua văn bản báo chí và nghệ thuật)*. Luận văn Thạc sĩ, Huế.
- [8] Nam Cao (1999). *Truyện ngắn Nam Cao*. NXB Kim Đồng, Đà Nẵng.
- [9] Ngô Thị Kim Cúc (tuyển chọn và giới thiệu) (2005). *Tuyển tập 20 năm truyện ngắn báo Thanh niên (1986-2006)*. NXB Văn nghệ - Báo Thanh niên, TP.HCM.
- [10] Nguyễn Du (Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim hiệu khảo) (1999). *Truyện Kiều*. NXB Văn nghệ, TP.HCM.
- [11] Tô Hữu (2001). *Thơ Tô Hữu chọn lọc*. NXB Đồng Nai.
- [12] Tô Hoài (2000). *Để mền phiêu lưu ký*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Hồng (1999). *Bi vớ*. NXB Văn nghệ, TP.HCM.
- [14] Trần Đăng Khoa (2007). *Góc sân và khoảng trời*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [15] Nguyễn Khải (2001). *Nắng chiều*. NXB Kim Đồng,

- Hà Nội.
- [16] Chu Lai (2009). *Ăn mày dĩ vãng*. NXB Lao động, Hà Nội.
- [17] Tôn Thảo Miên (tuyển chọn) (2002). *Truyện ngắn Thạch Lam - tác phẩm và dư luận*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [18] Bảo Ninh (2009). *Nỗi buồn chiến tranh*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [19] Xuân Quỳnh (Vân Long sưu tầm và tuyển chọn) (2010). *Xuân Quỳnh thơ và đời*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [20] Hoài Thanh, Hoài Chân (2003). *Thi nhân Việt Nam*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [21] Hồ Anh Thái (tuyển chọn) (2005). *Văn mới 2004 - 2005*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [22] Nguyễn Huy Thiệp (2003). *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [23] Thơ chọn lọc (2007). *Hai sắc hoa ti gôn*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [24] Tuấn Thành, Anh Vũ (tuyển chọn) (2002). *Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu - tác phẩm và dư luận*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [25] Hoài Việt (2003). *Nhà văn trong trường học - Kim Lân*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

SEMANTIC - PRAGMATIC VALUES OF TEMPORAL NOUN PHRASES IN LITERARY WRITINGS

Abstract: In literary writings, humans exist in a special space and time – artistic space and time. It is not only the space and time that belong to the physical world, but also a way of demonstrating the spiritual world and realizing life through literary works. The article approaches time in artistic writings from a linguistic perspective. We have investigated the semantic roles of temporal noun phrases and their function in sentence structures of the artistic writings, thereby putting forward comments on the semantic and pragmatic values of temporal noun phrases in artistic writings.

Key words: noun; noun phrase; temporal noun phrase; literary writings; parts of speech.